



**Công ty Cổ phần  
Đại lý Hàng hải Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định số** 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005

**Giấy chứng nhận đăng ký** 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006  
**đăng ký doanh nghiệp số** 0300437898 ngày 13 tháng 12 năm 2013

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300437898 ngày 13 tháng 12 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoài An	Ủy viên
Ông Hoàng Hoa Phòng	Ủy viên
Ông Trịnh Vũ Khoa	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Ủy viên
Ông Lê Anh Tuấn	Ủy viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Hoàng Việt	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Lê Hoàng	Thành viên
Ông Vũ Xuân Hưng	Thành viên
Bà Đặng Thị Hồng Liên	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Vũ Xuân Trung	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hoa Phòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Vũ Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Lầu 5, tòa nhà Petroland  
Số 12 đường Tân Trào  
Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Xuân Trung  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 4 năm 2017





KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 4 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-317

  
Chồng K. Wang Bui  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0864-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 4 năm 2017



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>331.846.686.743</b>	<b>370.092.908.944</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>129.423.860.775</b>	<b>179.009.997.707</b>
Tiền	111		90.423.860.775	114.509.997.707
Các khoản tương đương tiền	112		39.000.000.000	64.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>30.000.000.000</b>	<b>37.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	30.000.000.000	37.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>163.172.545.268</b>	<b>144.731.314.322</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	140.149.021.418	115.444.223.162
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.253.519.845	2.432.934.162
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	27.880.964.939	35.894.774.560
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(7.110.960.934)	(9.040.617.562)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>175.500</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.250.280.700</b>	<b>9.351.421.415</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		669.842.656	630.869.548
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.146.267.254	8.518.282.718
Thuế nộp trước vào Ngân sách Nhà nước	153	14(b)	434.170.790	202.269.149

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>241.292.272.510</b>	<b>190.395.785.505</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.400.338.470</b>	<b>7.954.789.470</b>
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	8.400.338.470	7.954.789.470
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>138.459.502.859</b>	<b>80.159.250.263</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	58.564.219.086	60.446.768.406
Nguyên giá	222		140.037.671.702	134.518.875.233
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.473.452.616)	(74.072.106.827)
Tài sản cố định vô hình	227	10	79.895.283.773	19.712.481.857
Nguyên giá	228		83.228.221.328	22.331.234.828
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.332.937.555)	(2.618.752.971)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>45.616.681.501</b>	<b>49.801.071.781</b>
Nguyên giá	231		74.584.104.356	74.584.104.356
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(28.967.422.855)	(24.783.032.575)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>327.786.187</b>	<b>305.518.229</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	327.786.187	305.518.229
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>46.571.906.891</b>	<b>49.798.005.790</b>
Đầu tư vào công ty con	251		37.392.586.378	37.392.586.378
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		3.175.492.779	3.175.492.779
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.594.332.006	11.589.789.363
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.590.504.272)	(2.359.862.730)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.916.056.602</b>	<b>2.377.149.972</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.916.056.602	2.377.149.972
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>573.138.959.253</b>	<b>560.488.694.449</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>266.934.567.914</b>	<b>275.456.462.414</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>259.109.377.764</b>	<b>260.508.772.264</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	87.905.051.459	84.013.518.902
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.427.135.577	20.226.015.048
Thuế và các khoản phải nộp				
Ngân sách Nhà nước	313	14(a)	12.986.841.304	14.395.364.675
Phải trả người lao động	314		37.104.533.324	40.746.902.010
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		20.037.665.286	7.054.001.263
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		363.483.182	200.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	15(a)	81.825.181.306	87.172.844.581
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	8.459.486.326	6.700.125.785
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.825.190.150</b>	<b>14.947.690.150</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333		500.000.000	500.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	15(b)	733.770.150	707.770.150
Vay dài hạn	338	17(b)	6.591.420.000	13.739.920.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>306.204.391.339</b>	<b>285.032.232.035</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>306.204.391.339</b>	<b>285.032.232.035</b>
Vốn cổ phần	411	19	116.500.000.000	116.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		116.500.000.000	116.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	21(a)	91.269.882.762	74.261.208.991
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	21(b)	12.921.703.776	12.734.417.453
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.512.804.801	81.536.605.591
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		34.264.841.233	24.538.467.644
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		51.247.963.568	56.998.137.947
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>573.138.959.253</b>	<b>560.488.694.449</b>

Ngày 3 tháng 4 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Lương Huy  
Kế toán tổng hợp



Võ Trung Thắng  
Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Xuân Trung  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**


**Mẫu B 02 – DN**


(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>863.320.476.854</b>	<b>863.530.535.637</b>
<b>Giá vốn dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>772.016.237.916</b>	<b>774.970.097.706</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>91.304.238.938</b>	<b>88.560.437.931</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	31.161.185.542	59.057.109.074
Chi phí tài chính	22	26	4.787.658.091	4.180.871.145
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	80.382.921.437	79.203.250.276
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>37.294.844.952</b>	<b>64.233.425.584</b>
Thu nhập khác	31	28	22.693.624.225	5.516.790.984
Chi phí khác	32		902.584.831	2.165.769.694
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>21.791.039.394</b>	<b>3.351.021.290</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>59.085.884.346</b>	<b>67.584.446.874</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>7.837.920.778</b>	<b>10.586.308.927</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>51.247.963.568</b>	<b>56.998.137.947</b>

Ngày 3 tháng 4 năm 2017

Người lập:

  
Nguyễn Lương Huy  
Kế toán tổng hợp

  
Võ Trung Thắng  
Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

  
Vũ Xuân Trung  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>59.085.884.346</b>	<b>67.584.446.874</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		12.331.375.653	12.325.369.956
Các khoản dự phòng	03		2.300.347.759	1.011.813.546
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(503.956.645)	(631.943.976)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(26.068.112.648)	(49.586.774.804)
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(1.175.611.531)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>47.145.538.465</b>	<b>29.527.300.065</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(27.112.343.720)	(895.925.121)
Biến động hàng tồn kho	10		175.500	5.616.000
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		6.856.475.101	1.983.890.583
Biến động chi phí trả trước	12		422.120.262	4.426.006.058
			<b>27.311.965.608</b>	<b>35.046.887.585</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.635.385.088)	(12.735.738.772)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		26.000.000	49.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.461.992.723)	(8.356.883.542)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>12.240.587.797</b>	<b>14.003.265.271</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(67.244.815.123)	(30.823.773.086)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		25.500.000	672.607.273
Tiền thu/(chi) cho các khoản đầu tư ngắn hạn	23		7.000.000.000	(5.000.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(1.940.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	16.058.448.283
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		36.568.402.525	26.445.770.032
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(23.650.912.598)</b>	<b>5.413.052.502</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		2.333.081.633	5.381.451.185
Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.333.081.633)	(5.381.451.185)
Tiền trả cổ tức	36		(31.455.000.000)	(11.652.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(38.455.000.000)</b>	<b>(11.652.200.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(49.865.324.801)</b>	<b>7.764.117.773</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>179.009.997.707</b>	<b>171.122.463.380</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>279.187.869</b>	<b>123.416.554</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>129.423.860.775</b>	<b>179.009.997.707</b>

Ngày 3 tháng 4 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Lương Huy  
Kế toán tổng hợp



Võ Trung Thắng  
Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Vũ Xuân Trung  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

## **Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Đại lý hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải.

Ngày 22 tháng 12 năm 2015, cổ phiếu của Công ty bắt đầu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán VSA.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là: đại lý, kiểm đếm hàng hóa; môi giới và dịch vụ hàng hải; đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; vận tải container bằng đường bộ; cho thuê văn phòng; dịch vụ cung ứng tàu biển; xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; bốc xếp hàng hóa; đại lý ký gửi hàng; vận tải đa phương quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ logistic; mua bán, cho thuê và sửa chữa container; kinh doanh vận tải biển; kinh doanh kho bãi; kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); và dịch vụ khai thuê hải quan.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 659 nhân viên (1/1/2016: 703 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Công ty không kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 44 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 11 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 34 đến 50 năm.

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**(g) Bất động sản đầu tư**

***Bất động sản đầu tư cho thuê***

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc                      5 – 20 năm

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**(i) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ hoàn thành và được khách hàng chấp thuận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty cho rằng Công ty hoạt động trên một vùng địa lý là Việt Nam và hoạt động kinh doanh là cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải và dịch vụ có liên quan.



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty con, công ty liên kết, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.301.319.708	2.434.809.165
Tiền gửi ngân hàng	88.122.541.067	112.075.188.542
Các khoản tương đương tiền	39.000.000.000	64.500.000.000
	129.423.860.775	179.009.997.707

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000.000	30.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số lượng	% sở hữu	31/12/2016 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng	% sở hữu	1/1/2016 Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty con								
• Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (i)		51,5%	37.392.586.378	2.829.406.497		51,5%	37.392.586.378	2.359.862.730
▪ Công ty liên kết								
• Công ty TNHH China Shipping Việt Nam (ii)		40%	3.175.492.779	2.761.097.775		40%	3.175.492.779	-
▪ Đơn vị khác								
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (iii)	913.390		7.400.160.000	-	913.390		7.400.160.000	-
• Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam	200.000		2.020.000.000	-	200.000		2.020.000.000	-
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50.000		500.000.000	-	50.000		500.000.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (iv)		51%	1.072.836.000	-		51%	1.072.836.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam		1%	63.746.040	-		1%	63.746.040	-
• Công ty liên doanh Bông Sen		0,27%	537.589.966	-		0,27%	533.047.323	-
			11.594.332.006	-			11.589.789.363	-
			52.162.411.163	5.590.504.272			52.157.868.520	2.359.862.730



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản 9 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009 của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam thông qua việc thành lập Công ty cổ phần để thực hiện Dự án xây dựng Trung tâm điều hành sản xuất kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Các cổ đông của Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (“VOSALAND”) thực hiện thỏa thuận góp vốn, trong đó Công ty cam kết góp 51,5% bao gồm giá trị quyền sử dụng đất số 1 Bến Vân Đồn, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và 5.000.000.000 VND bằng tiền. Đến quý 3 năm 2015, Công ty đã hoàn tất thủ tục góp vốn vào VOSALAND. Vốn điều lệ VOSALAND là 100 tỷ VND, giá trị khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc.
- (ii) Công ty TNHH China Shipping Việt Nam là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 15 năm kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000393 ngày 25 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế Giấy phép đầu tư số 2411/GP ngày 11 tháng 8 năm 2004 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép đầu tư điều chỉnh. Các chủ sở hữu của công ty là China Shipping Regional Holdings Pte. Ltd và Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam. Theo Nghị quyết số 09/2016/NQ/HĐQT-NK3-TYHK ngày 4 tháng 7 năm 2016, Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã quyết định chấm dứt hợp đồng liên doanh với China Shipping Regional Holdings Pte. Ltd và giải thể Công ty TNHH China Shipping Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty đã lập dự phòng tương ứng với phần lỗ gánh chịu từ liên doanh và cho rằng sẽ thu hồi được giá trị còn lại của khoản đầu tư này khi liên doanh giải thể.
- (iii) Công ty là cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“MSB”) vào năm 1991. Số cổ phiếu Công ty sở hữu là tích lũy qua nhiều năm do quá trình góp vốn, tặng vốn bằng cổ phiếu, chi cổ tức bằng cổ phiếu.
- (iv) Theo hợp đồng liên doanh, Công ty không tham gia quản lý và điều hành công ty liên doanh. Ban Giám đốc đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên doanh. Do đó, khoản đầu tư này được phân loại là đầu tư vốn vào đơn vị khác.

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	18.018.857.152	12.434.671.613
Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	17.590.068.254	13.186.417.987
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	13.838.401.465	18.946.868.061
Công ty TNHH SDV Việt Nam	-	2.009.151.665
Các khách hàng khác	90.701.694.547	68.867.113.836
	<hr/>	<hr/>
	140.149.021.418	115.444.223.162
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngắn hạn	140.149.021.418	115.444.223.162
	<hr/>	<hr/>

**(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ</b>		
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	72.600.000	660.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	36.280.496	-
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	198.653.400
	<hr/>	<hr/>
	234.291.179	324.724.083
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Các khoản phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	11.986.296.824	9.471.635.953
Tạm ứng nhân viên	7.801.856.678	7.006.823.514
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.252.336.111	2.182.328.888
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.137.745.000	2.116.345.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	22.248.396	91.411.126
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	8.934.416.969
Phải thu khác	5.680.481.930	6.091.813.110
	27.880.964.939	35.894.774.560

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	8.400.338.470	7.954.789.470

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Số ngày quá hạn	31/12/2016			Số ngày quá hạn	1/1/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Daiichi Chuo Marine								
Co., Ltd.	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-
Khách hàng khác	Trên 3 năm	1.472.359.957	1.472.359.957	-	Trên 3 năm	3.123.937.018	3.123.937.018	-
Khách hàng khác	Từ 2 – 3 năm	125.410.683	62.705.342	62.705.341	Từ 2 – 3 năm	397.256.524	278.079.567	119.176.957
Khách hàng khác	Từ 1 – 2 năm	51.773.225	-	51.773.225	Từ 1 – 2 năm	125.410.683	62.705.342	62.705.341
Khách hàng khác	Dưới 1 năm	61.696.498	-	61.696.498	Dưới 1 năm	2.140.000	-	2.140.000
		<u>7.287.135.998</u>	<u>7.110.960.934</u>	<u>176.175.064</u>		<u>9.224.639.860</u>	<u>9.040.617.562</u>	<u>184.022.298</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu  
khó đòi ngắn hạn

7.110.960.934

9.040.617.562



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	86.881.306.160	38.015.819	42.543.876.758	5.055.676.496	134.518.875.233
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.715.227.000	-	1.843.818.182	-	5.559.045.182
Thanh lý	-	-	-	(31.455.000)	(31.455.000)
Giảm khác	(8.793.713)	-	-	-	(8.793.713)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>90.587.739.447</b>	<b>38.015.819</b>	<b>44.387.694.940</b>	<b>5.024.221.496</b>	<b>140.037.671.702</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	40.322.364.304	38.015.819	29.517.785.073	4.193.941.631	74.072.106.827
Khấu hao trong năm	3.784.793.872	-	3.288.397.019	359.609.898	7.432.800.789
Thanh lý	-	-	-	(31.455.000)	(31.455.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>44.107.158.176</b>	<b>38.015.819</b>	<b>32.806.182.092</b>	<b>4.522.096.529</b>	<b>81.473.452.616</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	46.558.941.856	-	13.026.091.685	861.734.865	60.446.768.406
Số dư cuối năm	46.480.581.271	-	11.581.512.848	502.124.967	58.564.219.086

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 39.772.627.046 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 29.371.253.438 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	20.346.655.528	1.984.579.300	22.331.234.828
Tăng trong năm	321.459.500	-	321.459.500
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	60.575.527.000	-	60.575.527.000
	81.243.642.028	1.984.579.300	83.228.221.328
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	913.305.563	1.705.447.408	2.618.752.971
Khấu hao trong năm	528.096.660	186.087.924	714.184.584
	1.441.402.223	1.891.535.332	3.332.937.555
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	19.433.349.965	279.131.892	19.712.481.857
Số dư cuối năm	79.802.239.805	93.043.968	79.895.283.773

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 123.700.000 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 123.700.000 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Bất động sản đầu tư**

**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	74.584.104.356
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	24.783.032.575
Khấu hao trong năm	4.184.390.280
Số dư cuối năm	28.967.422.855
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	49.801.071.781
Số dư cuối năm	45.616.681.501

Giá trị hợp lý bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty không thể thực hiện việc định giá do không có giao dịch thị trường nào gần đây đối với bất động sản tương đồng và tương tự vị trí với các bất động sản đầu tư của Công ty.

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Số dư đầu năm	305.518.229	73.663.177.322
Tăng trong năm	66.822.762.914	9.388.372.824
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.559.045.182)	(11.172.486.487)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(60.575.527.000)	-
Xóa sổ	(665.922.774)	-
Góp vốn vào công ty con	-	(32.392.586.378)
Giảm khác (i)	-	(39.180.959.052)
Số dư cuối năm	327.786.187	305.518.229

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Trong năm 2013 và 2014, Công ty đã chi hộ Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam 39.180.959.052 VND tiền sử dụng đất cho khu đất 1.836 m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ hình thức thuê đất sang giao đất theo Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện nghĩa vụ đối với Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 13373/TB-CT-KTTĐ ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (sau khi cần trừ các khoản chi phí tư vấn, thẩm định và tiền chi bồi thường, hỗ trợ về đất mà Công ty đã chi trước đó). Ngày 6 tháng 1 năm 2015, Công ty đã nhận được số tiền trên từ Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam và đã ghi giảm xây dựng cơ bản dở dang.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án nhà văn phòng Vitamas	221.141.551	305.518.229
Dự án nhà văn phòng VOSA Nha Trang	106.644.636	-
	<hr/>	
	327.786.187	305.518.229
	<hr/>	

**13. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Số có khả năng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Số có khả năng</b>
	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b>	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiến Bộ	8.943.257.555	8.943.257.555	5.585.383.000	5.585.383.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	5.712.068.621	5.712.068.621	13.429.265.853	13.429.265.853
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	3.135.387.659	3.135.387.659	4.321.481.182	4.321.481.182
Các nhà cung cấp khác	70.114.337.624	70.114.337.624	60.677.388.867	60.677.388.867
	<hr/>			
	87.905.051.459	87.905.051.459	84.013.518.902	84.013.518.902
	<hr/>			



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	87.905.051.459	87.905.051.459	84.013.518.902	84.013.518.902

**(c) Phải trả người bán là bên liên quan**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Công ty mẹ</b> Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	242.027.387	242.027.387	1.695.491	1.695.491
<b>Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ</b> Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	2.865.185.828	2.865.185.828	2.714.238.374	2.714.238.374
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	280.227.018	280.227.018	28.374.957	28.374.957
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	144.000.000	144.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	21.428.736	21.428.736	-	-
	<b>3.552.868.969</b>	<b>3.552.868.969</b>	<b>2.744.308.822</b>	<b>2.744.308.822</b>

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Thuế và các khoản phải nộp và nộp trước vào Ngân sách Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã chuyển/ cần trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
<b>Thuế</b>					
Thuế giá trị gia tăng	569.631.284	66.583.663.015	(11.799.339.646)	(54.661.173.035)	692.781.618
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.406.294.962	7.837.920.778	(9.635.385.088)	391.169.348	-
Thuế thu nhập cá nhân	658.356.661	4.816.952.323	(4.939.716.308)	(159.267.707)	376.324.969
Thuế nhà đất	-	267.178.988	(267.178.988)	-	-
Tiền thuế đất	438.239.000	4.507.081.744	(2.547.095.952)	-	2.398.224.792
Thuế xuất nhập khẩu	-	10.618.724	(10.618.724)	-	-
Các loại thuế khác	11.322.842.768	33.576.226.915	(35.701.019.258)	-	9.198.050.425
<b>Các khoản phải nộp khác</b>					
Phí, lệ phí	-	321.459.500	-	-	321.459.500
	14.395.364.675	117.921.101.987	(64.900.353.964)	(54.429.271.394)	12.986.841.304

**(b) Thuế nộp trước vào Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được cần trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
<b>Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được cần trừ</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	391.169.348	-	391.169.348
Thuế thu nhập cá nhân	202.269.149	2.718.343	(161.986.050)	43.001.442
	202.269.149	393.887.691	(161.986.050)	434.170.790



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Các khoản phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	60.342.573.056	48.189.867.415
Ký ngân của các hãng tàu	10.506.344.110	12.244.568.320
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.021.283.958	4.684.071.720
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3.737.387.440	3.737.387.440
Kinh phí công đoàn	1.546.704.626	1.176.114.256
Cổ tức phải trả	205.724.825	8.360.724.825
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	21.916.080	33.500.888
Phải trả Manuchar Hong Kong Limited	-	8.342.091.909
Phải trả khác	443.247.211	404.517.808
	<hr/>	<hr/>
	81.825.181.306	87.172.844.581
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận tiền ký quỹ cho thuê kho bãi	694.763.838	628.763.838
Nhận tiền ký quỹ cho thuê văn phòng Ocean Park của Europac Shipping	39.006.312	79.006.312
	<hr/>	<hr/>
	733.770.150	707.770.150
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	6.700.125.785	7.679.391.012
Trích lập trong năm (thuyết minh 18)	5.505.204.264	5.977.745.115
Sử dụng trong năm	(3.745.843.723)	(6.957.010.342)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.459.486.326</b>	<b>6.700.125.785</b>

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 25 tháng 5 năm 2016 đã quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 5.505.204.264 VND (2015: 5.977.745.115 VND) từ lợi nhuận chưa phân phối.

**17. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay cán bộ công nhân viên (*)	-	-	2.333.081.633	(2.333.081.633)	-	-

(\*) Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc (NorthFreight) theo Quyết định số 32/QĐ-NF ngày 31 tháng 3 năm 2016 nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh tại chi nhánh. Khoản vay này có thời hạn 9 tháng, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2016 và không chịu lãi.



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Vay cán bộ công nhân viên Đại lý Hàng hải Quảng Ninh (i)	VND	Không	2019	-	7.000.000.000
Vay Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) (ii)	CNY	Không	2023	6.591.420.000	6.739.920.000
				<hr/>	<hr/>
				6.591.420.000	13.739.920.000

- (i) Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Hàng hải Quảng Ninh theo Hợp đồng vay số 2/ĐLHH-ĐQH ngày 1 tháng 4 năm 2014 nhằm mục đích ký quỹ vào Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh để xin cấp giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, đáo hạn ngày 1 tháng 4 năm 2019 và không chịu lãi. Công ty đã thanh toán khoản vay này vào tháng 8 năm 2016.
- (ii) Khoản vay dài hạn 1.980.000 CNY tương đương 6.739.200.000 VND từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) theo Hợp đồng số 1/LC-HK ngày 10 tháng 4 năm 1998. Khoản vay này có thời hạn 25 năm và không chịu lãi.

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	116.500.000.000	56.397.655.039	12.311.461.686	69.715.928.478	254.925.045.203
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	56.998.137.947	56.998.137.947
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 21)	-	17.863.553.952	1.531.161.767	(19.394.715.719)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 16)	-	-	-	(5.977.745.115)	(5.977.745.115)
Chia cổ tức (thuyết minh 20)	-	-	-	(19.805.000.000)	(19.805.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.108.206.000)	-	(1.108.206.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	116.500.000.000	74.261.208.991	12.734.417.453	81.536.605.591	285.032.232.035
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	51.247.963.568	51.247.963.568
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 21)	-	17.008.673.771	1.457.886.323	(18.466.560.094)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 16)	-	-	-	(5.505.204.264)	(5.505.204.264)
Chia cổ tức (thuyết minh 20)	-	-	-	(23.300.000.000)	(23.300.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.270.600.000)	-	(1.270.600.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	116.500.000.000	91.269.882.762	12.921.703.776	85.512.804.801	306.204.391.339



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>	11.650.000	116.500.000.000	11.650.000	116.500.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	11.650.000	116.500.000.000	11.650.000	116.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**20. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 5 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định phân phối khoản cổ tức 23.300.000.000 VND (2.000 VND trên một cổ phiếu) (2015: 19.805.000.000 VND (1.700 VND trên một cổ phiếu)).

**21. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(b) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ 11.650.000.000 VND (1/1/2016: 11.650.000.000 VND) và quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh 1.271.703.776 VND (1/1/2016: 1.084.417.453 VND).

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.149.630	48.796.608.377	2.823.881	63.353.988.584

**(b) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	5.535.968.462	3.811.708.582
Từ hai đến năm năm	10.404.990.061	10.620.899.103
Sau năm năm	60.875.463.353	62.924.659.994
	<u>76.816.421.876</u>	<u>77.357.267.679</u>



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu đại lý vận tải	514.097.181.228	521.524.189.511
Doanh thu kho ngoại quan	94.332.971.079	119.661.503.982
Doanh thu đại lý tàu	55.727.399.056	54.208.713.071
Doanh thu cho thuê phương tiện	55.130.683.840	64.591.577.863
Doanh thu cung cấp dịch vụ tàu	52.862.826.330	12.277.563.512
Doanh thu cho thuê kho, khách sạn	25.300.310.186	11.565.943.223
Doanh thu đại lý liner	22.675.745.168	27.169.380.135
Doanh thu kiểm kiện	19.590.875.825	20.809.433.879
Doanh thu tạm nhập tái xuất	14.726.968.107	23.332.720.829
Doanh thu dịch vụ khác	8.875.516.035	8.389.509.632
	<hr/>	<hr/>
	863.320.476.854	863.530.535.637
	<hr/>	<hr/>

**24. Giá vốn dịch vụ cung cấp**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	74.544.064.834	79.690.476.529
Chi phí khấu hao	9.422.458.889	9.844.280.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	660.440.458.922	662.444.405.280
Chi phí khác	27.609.255.271	22.990.935.889
	<hr/>	<hr/>
	772.016.237.916	774.970.097.706
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	20.994.399.958	30.014.146.952
Lãi tiền gửi	5.714.135.464	6.000.112.296
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.948.693.475	9.510.997.567
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	503.956.645	631.943.976
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	12.899.908.283
	<hr/>	<hr/>
	31.161.185.542	59.057.109.074

**26. Chi phí tài chính**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	3.230.641.542	416.486.730
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.556.726.814	3.741.140.030
Chi phí tài chính khác	289.735	23.244.385
	<hr/>	<hr/>
	4.787.658.091	4.180.871.145

**27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí nhân công	40.262.452.669	40.083.796.335
Chi phí khấu hao	2.908.916.764	2.481.089.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.446.991.817	30.717.077.232
Chi phí khác	11.764.560.187	5.921.286.761
	<hr/>	<hr/>
	80.382.921.437	79.203.250.276



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Thu nhập khác**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền đền bù từ Công ty Cổ phần An Phú (*)	22.000.000.000	-
Xóa sổ các khoản nợ phải trả không xác định đối tượng	611.551.880	4.538.968.726
Lãi do thanh lý tài sản cố định	25.500.000	672.607.273
Các khoản khác	56.572.345	305.214.985
	<hr/>	<hr/>
	22.693.624.225	5.516.790.984

- (\*) Theo Biên bản thỏa thuận số 54/2016/BBTT-PL ngày 4 tháng 4 năm 2016, Công ty Cổ phần An Phú đã chuyển khoản tạm ứng 22.000.000.000 VND cho Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhằm đền bù, hỗ trợ cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn) (“VOSA Sài Gòn”) di dời khỏi văn phòng thuê tại số 3-5-7-11 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty Cổ phần An Phú sẽ thay thế VOSA Sài Gòn trong việc quản lý, sử dụng văn phòng thuê này. VOSA Sài Gòn đã bàn giao toàn bộ văn phòng thuê cho Công ty Cổ phần An Phú vào ngày 1 tháng 8 năm 2016 theo Biên bản bàn giao nhà số 015/BBKT-AP.

**29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	114.806.517.503	119.774.272.864
Chi phí khấu hao	12.331.375.653	12.325.369.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	685.887.450.739	693.161.482.512
Chi phí khác	39.373.815.458	28.912.222.650
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**30. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	7,837,920,778	9.973.091.390
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	613.217.537
	7,837,920,778	10.586.308.927

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	59.085.884.346	67.584.446.874
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.817.176.869	14.868.578.312
Chi phí không được khấu trừ thuế	219.623.901	1.702.125.408
Thu nhập không bị tính thuế	(4.198.879.992)	(6.597.612.330)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	613.217.537
	7.837.920.778	10.586.308.927

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2015: 22%).



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</b>		
Chia cổ tức	16.059.060.000	10.111.260.000
Chi phí thuê văn phòng	929.053.333	921.600.000
Tiền điện phải trả	25.402.292	12.846.030
Chi phí dịch vụ phải trả	622.188.387	608.256.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty con của Công ty</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam</b>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	42.075.000	91.800.000
Góp vốn điều lệ bằng quyền sử dụng đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM	-	32.392.586.378
Góp vốn điều lệ bằng tiền	-	1.940.000.000
Nhận tiền thuê đất năm 2010, 2011 và các khoản khác	-	827.891.121
Nhận tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM	-	39.180.959.052
Nhận tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM	-	767.481.206
<b>Công ty liên kết của Công ty</b>		
<b>Công ty TNHH NYK Line Việt Nam</b>		
Cổ tức được chia	460.723.861	8.934.416.969
<b>Công ty TNHH China Shipping Việt Nam</b>		
Cổ tức được chia	3.925.765.895	4.484.836.482
Doanh thu cung cấp dịch vụ	153.714.040	1.497.745.304
Chi phí dịch vụ phải trả	6.762.920	347.563.630
<b>Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ</b>		
<b>Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam</b>		
Cổ tức được chia	30.000.000	50.000.000
Doanh thu cho thuê văn phòng	66.000.000	66.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.287.039	433.045.329
<b>Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng</b>		
Chi phí dịch vụ phải trả	838.784.376	426.169.532

**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.034.223.300
Chi phí dịch vụ phải trả	3.383.830.020	2.443.404.077
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.466.520	19.394.416
<b>Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.357.000	28.859.999
Chi phí dịch vụ phải trả	-	38.886.364
<b>Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	112.578.921	211.747.275
<b>Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh</b>		
Chi phí dịch vụ phải trả	11.731.115	21.269.115
<b>Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh</b>		
Chi phí dịch vụ phải trả	-	433.438.554
<b>Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ</b>		
Chi phí dịch vụ phải trả	270.165.314	209.265.314
<b>Công ty Vận tải biển Container Vinalines</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	220.122.000	548.004.600
Chi phí dịch vụ phải trả	-	3.000.001
<b>Công ty Vận tải biển Vinalines</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.545.455	15.724.800
<b>Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	38.636.364
<b>Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.513.400	1.028.500
<b>Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương	5.190.702.424	5.479.200.395
Phụ cấp	871.391.714	862.153.270
Thưởng	476.981.067	552.325.772



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2016 VND	2015 VND
Nguyên giá của tài sản cố định và tài sản dài hạn khác đã mua nhưng chưa thanh toán	321.459.500	430.845.922
Lợi nhuận được chia vốn hóa vào giá gốc khoản đầu tư	4.542.643	4.095.133
Góp vốn vào công ty con bằng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	32.392.586.378
Cần trừ khoản đầu tư vào công ty con với phải trả khác	-	3.281.370.000
Cần trừ khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con với phải trả khác	-	1.381.111.688

Ngày 3 tháng 4 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Lương Huy  
Kế toán tổng hợp



Võ Trung Thắng  
Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:




Vũ Xuân Trung  
Tổng Giám đốc

